

Số: 79/2020/QĐST - HNGĐ

N, Ngày 04 tháng 8 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 106/2020/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 06 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị T** – Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Anh **Lê Huy K** – Sinh năm: 1980.

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/07/2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản nghị nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 27/7/2020 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị T và Anh Lê Huy K.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về hôn nhân:* Chị Hà Thị T và Anh Lê Huy K đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh, chị kết hôn với nhau vào ngày 21/02/2006, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã H, huyện N cấp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối, ép buộc. Trong quá trình chung sống giữa chị T và Anh K thường xuyên bất đồng quan điểm sống, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cả chị T và Anh K đều thống nhất thuận tình ly hôn.

*\* Về con chung:* Chị Hà Thị T và Anh Lê Huy K đều có ý kiến chung thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 03 con chung. Cháu thứ nhất tên là: Lê Thị Hà T - Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 11/01/2007. Cháu thứ hai tên là Lê Thị Thùy L – Giới tính nữ - Sinh ngày 14/02/2010. Cháu thứ ba tên là: Lê Huy Bảo N – Giới tính Nam – Sinh ngày: 17/01/2014. Cả ba cháu đều phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 7 năm 2020 cháu Lê Thị Hà T và cháu Lê Thị Thùy L đều có nguyện vọng xin được ở với bố đẻ các cháu là anh Lê Huy K. Chị Hà Thị T và Anh Lê Huy K đều có ý kiến thống nhất là: Giao cả ba cháu Lê Thị Hà T, Lê Thị Thùy L và Lê Huy Bảo N cho Anh Lê Huy K (Là bố đẻ) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Hà Thị T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng/03 cháu/1 Tháng (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2020 đến khi các cháu trưởng thành.

Chị Hà Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này và chị T có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

*\* Về tài sản và các nghĩa vụ chung:* Chị Hà Thị T và Anh Lê Huy K đều có ý kiến thống nhất: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

*\* Về án phí:* Chị Hà Thị T và Anh Lê Huy K đều có ý kiến thống nhất: Chị Hà Thị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS - HNGĐ sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch vì là người phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Tổng cộng chị Hà Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí. Hiện tại chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003523, ngày 03 tháng 6 năm 2020. Do đó công nhận chị Hà Thị T đã nộp đủ tiền án phí; Anh Lê Huy K không phải nộp tiền án phí DS – HNGĐ sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã H, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký và đóng dấu)

**Ngô Công Tuấn**

